

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và
các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa
của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài¹ tại Việt Nam**

Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2006/QH11 của Quốc hội ngày 29 tháng 11 năm 2006 phê chuẩn Nghị định thư gia nhập Hiệp định thành lập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

¹ Cụm từ “doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” được thay thế bởi cụm từ “nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài² tại Việt Nam.³

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này công bố lộ trình và quy định thực hiện cam kết của Việt Nam trong Tổ chức thương mại thế giới (WTO) về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài⁴ tại Việt Nam.

Điều 2. Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài⁵ tại Việt Nam

² Cụm từ “doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” được thay thế bởi cụm từ “nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

³ Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính tại một số Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;”

⁴ Cụm từ “doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” được thay thế bởi cụm từ “nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

⁵ Cụm từ “doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” được thay thế bởi cụm từ “nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

1. Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài⁶ tại Việt Nam được thực hiện quyền xuất khẩu đối với hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa quy định tại Phụ lục số 01 của Thông tư này.

2. Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài⁷ tại Việt Nam được thực hiện quyền nhập khẩu đối với hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa quy định tại Phụ lục số 02 của Thông tư này.

3. Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài⁸ tại Việt Nam được thực hiện quyền phân phối đối với hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa quy định tại Phụ lục số 03 của Thông tư này.

4. Việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài⁹ tại Việt Nam phải tuân thủ theo các quy định tại Thông tư này và các quy định của văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc sử dụng danh mục hàng hóa

1.¹⁰ Việc phân loại hàng hóa quy định tại các Phụ lục của Thông tư này theo mã HS và mô tả hàng hóa thực hiện theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam qua các thời kỳ.

2.¹¹ *(được bãi bỏ).*

⁶ Cụm từ “doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” được thay thế bởi cụm từ “nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

⁷ Cụm từ “doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” được thay thế bởi cụm từ “nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

⁸ Cụm từ “doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” được thay thế bởi cụm từ “nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

⁹ Cụm từ “doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” được thay thế bởi cụm từ “nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

¹⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

¹¹ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

Điều 4. Hiệu lực thi hành¹²

1. Thông tư này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2014. Thông tư này áp dụng đối với tất cả các trường hợp chưa được cấp phép hoặc chưa được sửa đổi, bổ sung, cấp lại tính đến trước ngày Thông tư có hiệu lực.

2. Thông tư này thay thế Quyết định 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 5 năm 2007 của Bộ Thương mại công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: **13** /VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày **21** tháng **6** năm 2024

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Văn phòng Bộ (để đăng website BCT);
- Vụ Pháp chế (để đăng CSDLQG về VBPL);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

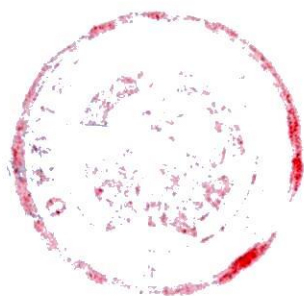


Phan Thị Thắng

¹² Điều 3 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) để kịp thời xem xét, giải quyết.
4. Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”



PHỤ LỤC SỐ 01
DANH MỤC HÀNG HÓA KHÔNG ĐƯỢC
THỰC HIỆN QUYỀN XUẤT KHẨU

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa
	Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bitum, ở dạng thô
2709.00. 10	- Dầu mỏ thô
2709.00. 20	- Condensate
2709.00. 90	- Loại khác

PHỤ LỤC SỐ 02
DANH MỤC HÀNG HÓA KHÔNG
ĐƯỢC THỰC HIỆN QUYỀN NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mã số hàng hóa	Mô tả hàng hóa
	Xì gà, xì gà xén hai đầu, xì gà nhỏ và thuốc lá điếu, từ lá thuốc lá hoặc từ các chất thay thế lá thuốc lá.
2402.10.00	- Xì gà, xì gà xén hai đầu và xì gà nhỏ, làm từ lá thuốc lá
2402.20	- Thuốc lá điếu làm từ lá thuốc lá:
2402.20.10	- - Thuốc lá Bi-đi (Beedies)
2402.20.20	- - Thuốc lá điếu, có chứa thành phần từ đinh hương
2402.20.90	- - Loại khác
2402.90	
2402.90.10	- - Xì gà, xì gà xén hai đầu và xì gà nhỏ làm từ chất thay thế lá thuốc lá
2402.90.20	- - Thuốc lá điếu làm từ chất thay thế lá thuốc lá
	Lá thuốc lá đã chế biến và các chất thay thế thuốc lá đã chế biến khác; thuốc lá "thuần nhất" hoặc thuốc lá "hoàn nguyên"; chiết xuất và tinh chất lá thuốc lá.
2403	- Lá thuốc lá để hút, có hoặc không chứa chất thay thế lá thuốc lá với tỷ lệ bất kỳ
2403.11.00	- - Thuốc lá sử dụng tàu nước đã được chi tiết ở Chú giải phân nhóm 1 của Chương này
2403.19	- - Loại khác:
	- - - Đã được đóng gói để bán lẻ:
2403.19.11	- - - - Ang Hoon
2403.19.19	- - - - Loại khác
2403.19.20	- - - Lá thuốc lá đã chế biến khác để sản xuất thuốc lá điếu
2403.19.90	- - - Loại khác
	Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải.
2710.12	- - Dầu nhẹ và các chế phẩm:
	- - - Xăng động cơ:
2710.12.11	- - - - RON 97 và cao hơn, có pha chì
2710.12.12	- - - - RON 97 và cao hơn, không pha chì

2710.12.13	- - - RON 90 và cao hơn, nhưng dưới RON 97 có pha chì
2710.12.14	- - - RON 90 và cao hơn, nhưng dưới RON 97 không pha chì
2710.12.15	- - - Loại khác, có pha chì
2710.12.16	- - - Loại khác, không pha chì
2710.12.20	- - - Xăng máy bay, trừ loại sử dụng làm nhiên liệu máy bay phản lực
2710.12.30	- - - Tetrapropylen
2710.12.40	- - - Dung môi trắng (white spirit)
2710.12.50	- - - Dung môi có hàm lượng cấu tử thơm thấp dưới 1% tính theo trọng lượng
2710.12.60	- - - Dung môi nhẹ khác
2710.12.70	- - - Naphtha, reformate và các chế phẩm khác để pha chế xăng động cơ
2710.12.80	- - - Alpha olefin khác
2710.12.90	- - - Loại khác
2710.19	- - Loại khác:
2710.19.20	- - - Dầu thô đã tách phần nhẹ
2710.19.30	- - - Nguyên liệu để sản xuất than đen
	- - - Dầu và mỡ bôi trơn:
2710.19.41	- - - - Dầu khoáng đã tinh chế để sản xuất dầu bôi trơn
2710.19.42	- - - - Dầu bôi trơn cho động cơ máy bay
2710.19.43	- - - - Dầu bôi trơn khác
2710.19.44	- - - - Mỡ bôi trơn
2710.19.50	- - - Dầu dùng trong bộ hãm thủy lực (dầu phanh)
2710.19.60	- - - Dầu biến thế và dầu dùng cho bộ phận ngắt mạch
	- - - Nhiên liệu diesel; các loại dầu nhiên liệu:
2710.19.71	- - - - Nhiên liệu diesel cho ô tô
2710.19.72	- - - - Nhiên liệu diesel khác
2710.19.79	- - - - Dầu nhiên liệu
2710.19.81	- - - Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy từ 23 °C trở lên
2710.19.82	- - - Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy dưới 23 °C

	Báo, tạp chí chuyên ngành và các xuất bản phẩm định kỳ, có hoặc không có minh họa tranh ảnh hoặc chứa nội dung quảng cáo.
4902.10.00	- Phát hành ít nhất 4 lần trong một tuần
4902.90	- Loại khác:
4902.90.10	- - Tạp chí và ấn phẩm định kỳ về giáo dục, kỹ thuật, khoa học, lịch sử hoặc văn hóa
4902.90.90	- - Loại khác
	Đĩa, băng và các phương tiện lưu trữ thông tin đã ghi âm thanh hoặc ghi các hiện tượng tương tự khác, kể cả khuôn và vật chủ (gốc) để sản xuất băng, đĩa...
8523.21.90	- - - Loại khác
8523.29.21	- - - - Băng video
8523.29.29	- - - - Loại khác
8523.29.41	- - - - Băng máy tính
8523.29.42	- - - - Loại dùng cho phim điện ảnh
8523.29.43	- - - - Loại băng video khác
8523.29.49	- - - - Loại khác
8523.29.61	- - - - Loại sử dụng để sao chép các tập lệnh, dữ liệu, âm thanh và hình ảnh, được ghi ở dạng mã nhị phân để máy có thể đọc được, và có thể thao tác hoặc có thể tương tác với người sử dụng, thông qua một máy xử lý dữ liệu tự động; phương tiện lưu trữ được định dạng riêng (đã ghi)
8523.29.62	- - - - Loại dùng cho phim điện ảnh
8523.29.63	- - - - Băng video khác
8523.29.69	- - - - Loại khác
8523.29.81	- - - - Loại thích hợp dùng cho máy vi tính
8523.29.82	- - - - Loại khác
8523.29.83	- - - - Loại khác, của loại sử dụng để sao chép các tập lệnh, dữ liệu, âm thanh và hình ảnh, được ghi ở dạng mã nhị phân để máy có thể đọc được, và có thể thao tác hoặc có thể tương tác với người sử dụng, thông qua một máy xử lý dữ liệu tự động; phương tiện lưu trữ được định dạng riêng (đã ghi)
8523.29.84	- - - - Loại khác, dùng cho phim điện ảnh
8523.29.89	- - - - Loại khác

8523.29.93	- - - - - Loại phù hợp sử dụng cho máy vi tính
	Phương tiện bay khác (ví dụ, trực thăng, máy bay); tàu vũ trụ (kể cả vệ tinh) và tàu bay trong quỹ đạo và phương tiện đẩy để phóng tàu vũ trụ.
	- Trực thăng:
8802.11.00	- - Trọng lượng không tải không quá 2.000 kg
8802.12.00	- - Trọng lượng không tải trên 2.000 kg
8802.20	- Máy bay và phương tiện bay khác, có trọng lượng không tải không quá 2.000 kg:
8802.20.10	- - Máy bay
8802.20.90	- - Loại khác
8802.30	- Máy bay và phương tiện bay khác, có trọng lượng không tải trên 2.000 kg nhưng không quá 15.000kg:
8802.30.10	- - Máy bay
	Các bộ phận của các mặt hàng thuộc nhóm 88.01 hoặc 88.02.
8803.10.00	- Cánh quạt và rôto và các bộ phận của chúng
8803.20.00	- Càng, bánh và các bộ phận của chúng
8803.30.00	- Các bộ phận khác của máy bay hoặc trực thăng
8803.90	- Loại khác:
8803.90.10	- - Cửa vệ tinh viễn thông
8803.90.20	- - Cửa khí cầu, tàu lượn hoặc điều
8803.90.90	- - Loại khác

PHỤ LỤC SỐ 03
DANH MỤC HÀNG HÓA KHÔNG
ĐƯỢC THỰC HIỆN QUYỀN PHÂN PHỐI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Mô tả hàng hóa
1	Lúa gạo
2	Đường mía, đường củ cải
3	Thuốc lá và xì gà bao gồm
3.1	Xì gà, xì gà xén hai đầu, xì gà nhỏ và thuốc lá điếu, chế biến từ lá thuốc lá hoặc từ các chất thay thế lá thuốc lá
3.2	Thuốc lá lá đã chế biến và các chất thay thế thuốc lá lá đã chế biến khác; thuốc lá “thuần nhất” hoặc thuốc lá “hoàn nguyên”; chiết xuất và tinh chất thuốc lá
4	Dầu thô và dầu đã qua chế biến bao gồm
4.1	Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bitum, ở dạng thô
4.2	Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bitum...
5	Dược phẩm Gồm các mặt hàng thuốc theo quy định tại Khoản 2, Điều 2, Luật Dược số 34/2005/QH11.
6	Thuốc nổ bao gồm:
6.1	Bột nổ đẩy
6.2	Thuốc nổ đã điều chế, trừ bột nổ đẩy
6.3	Ngòi an toàn; ngòi nổ; nự xoè hoặc kíp nổ; bộ phận đánh lửa; kíp nổ điện
7	Sách, báo và tạp chí
7.1	Các loại sách in, sách gấp, sách mỏng và các ấn phẩm tương tự, dạng tờ đơn hoặc không phải dạng tờ đơn
7.2	Báo, tạp chí chuyên ngành và các xuất bản phẩm định kỳ, có hoặc không có minh họa tranh ảnh hoặc chứa nội dung quảng cáo
7.3	Sách, tranh ảnh, sách vẽ hoặc sách tô màu cho trẻ em
8	Kim loại quý và đá quý
8.1	Kim cương đã hoặc chưa được gia công nhưng chưa được gắn hoặc nạm dặt
8.2	Đá quý (trừ kim cương), đá bán quý, đã hoặc chưa được gia công hoặc phân loại nhưng chưa xâu chuỗi, chưa gắn hoặc nạm dặt; đá quý (trừ kim cương)...
8.3	Đá quý hoặc đá bán quý tổng hợp hoặc tái tạo, đã hoặc chưa gia công hoặc phân loại nhưng chưa xâu thành chuỗi, chưa gắn hoặc nạm dặt...
8.4	Bạc (kể cả bạc được mạ vàng hoặc bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc ở dạng bột

8.5	Vàng (kể cả vàng mạ bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm hoặc dạng bột
8.6	Bạch kim, chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm, hoặc dạng bột
8.7	Chỉ bao gồm bạc hoặc vàng, dát phủ bạch kim, chưa gia công quá mức bán thành phẩm
8.8	Tiền kim loại
9	Vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu - Danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông trừ trường hợp được pháp luật cho phép - Các sản phẩm an ninh văn hóa, xã hội, chính trị... theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trừ trường hợp được pháp luật cho phép